**PHỤ LỤC V**

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH HẰNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT   
*(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CÔNG TY TNHH MTV**  **LÂM NGHIỆP&DV HƯƠNG SƠN**  **MST: 3000100137**  Số: 44 /TC-HƯƠNG SƠN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**    *Hương Sơn, ngày 16 tháng 4 năm 2020* |

**Năm báo cáo: Năm 2019**

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước

a) Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước: Trong năm 2016, 2017, 2018, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực bảo vệ rừng, thực hiện nhiệm vụ công ích, sản xuất gạch tuynel và một số ngành nghề dịch vụ khác.

Doanh thu đạt bình quân: 17,56 tỷ đồng/năm.

Lợi nhuận trước thuế bình quân: 104 triệu đồng/năm.

Nộp ngân sách bình quân: 623 triệu đồng/năm.

Nguồn vốn nhà nước được bảo toàn, đảm bảo được các chế độ, quyền lợi cho người lao động.

b) Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước: Công ty thực hiện các dự án đầu tư phát triển rừng đúng tiến độ, hàng năm được Sở nông nghiệp và PTNT nghiệm thu hoàn thành.

Đã hoàn thành xây dựng trang trại chăn nuôi lợn nái và đã đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

c) Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới,...): Trong năm 2016, 2017, 2018 Công ty có nhiệm vụ chủ yếu vẫn là bảo vệ rừng, sản xuất gạch tuynel. Bên cạnh đó công ty đã xây dựng xong trang trại chăn nuôi lợn nái và đưa vào sản xuất chăn nuôi.

d) Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp:

*\* Thuận lợi:*

Công ty TNHH một thành viên LN&DV Hương Sơn là một trong những đơn vị dẫn đầu trong toàn ngành Lâm nghiệp, có bề dày truyền thống hơn 60 năm xây dựng và trưởng thành đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới có đội ngũ cán bộ dày dặn kinh nghiệm. Có tinh thần đoàn kết cao, được sự quan tâm giúp đỡ tận tình của các cấp, các ngành liên quan.

*\* Khó khăn:*

Bên cạnh những thuận lợi thì cũng gặp không nhiều khó khăn:

- Sản xuất kinh doanh lâm nghiệp có chế độ đặc thù riêng chủ yếu hoạt động ở vùng núi, sâu, xa, biên giới, điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội hết sức khó khăn, trình độ dân trí thấp, cơ sở hạ tầng yếu kém.

- Thiếu vốn sản xuất, doanh nghiệp không tự chủ được trong sản xuất.

- Do tình hình biến động về giá cả của cơ chế thị trường. Giá chăn nuôi lợn bấp bênh, dịch bệnh liên tục xẩy ra dẫn đến giá cả xuống rất thấp không đủ chi phí chăn nuôi. Thị trường tiêu thụ sản phẩm gạch ngày càng bị hạn chế và thu hẹp do Nhà nước ban hành các thông tư, chỉ thị, quy định tăng cường sử dụng vật liệu xây không nung và hạn chế sử dụng gạch đất sét nung trong các công trình xây dựng. Vì vậy ảnh hưởng rất lớn đến kết quả sản xuất của doanh nghiệp.

- Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty chưa có.

- Một số chính sách không hợp lý đối với ngành lâm nghiệp đặc thù.

- Một số ít CBCNV chưa có tinh thần trách nhiệm cao trước những khó khăn chung.

đ) Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu,...).

**BIỂU SỐ 1**

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **ĐVT** | **Thực hiện năm 2016** | **Thực hiện năm 2017** | **Thực hiện năm 2018** | **Thực hiện năm 2019** |
| 1 | Sản phẩm chủ yếu sản xuất |  |  |  |  |  |
| *a)* | *Lợn giống* | *Con* |  | *4.546* | *8.365* | *5.200* |
| *b)* | *Gạch* | *Triệu viên* | *10,5* | *9,5* | *6,7* | *4,5* |
| *c)* | *Gỗ rừng trồng* | *M3* |  | *130,0* |  |  |
| 2 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 14,0 | 17,7 | 21,0 | 22,144 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 104 | (2.026) | 104 | 612 |
| 4 | Nộp ngân sách | Triệu đồng | 605 | 505 | 759 | 598 |
| 5 | Kim ngạch xuất khẩu (nếu có) | 1000 USD |  |  |  |  |
| 6 | Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có) | Tỷ đồng | 2,65 | 8,53 | 4,43 | 3,9 |
| 7 | Kế hoạch đầu tư phát triển | Tỷ đồng | 12,7 | 4,496 |  |  |
| *a)* | *Nguồn ngân sách* | *Tỷ đồng* |  |  |  |  |
| *b)* | *Vốn vay* | *Tỷ đồng* | *12,2* | *4,000* |  |  |
| *c)* | *Vốn khác* | *Tỷ đồng* | *0,5* | *0,496* |  |  |
| 8 | Tổng lao động | Người | 138 | 133 | 114 | 112 |
| 9 | Tổng quỹ lương | Tỷ đồng | 7,913 | 8,193 | 7,345 | 7,392 |
| *a)* | *Quỹ lương quản lý* | *Tỷ đồng* | *0,295* | *0,339* | *311,8* | *516* |
| *b)* | *Quỹ lương lao động* | *Tỷ đồng* | *7,618* | *7,854* |  |  |

Trên đây là báo cáo về kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh hàng năm và 03 năm gần nhất. Kính trình Sở kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh Hà Tĩnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư quan tâm, giúp đỡ để doanh nghiệp hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu TC, VT. | **GIÁM ĐỐC**  **Lê Tiến Cát** |